

TỜ TRÌNH

**Về phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương,
ngân sách cấp tỉnh năm 2023**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số -TB/TU ngày tháng 12 năm 2022.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2023 đã được Trung ương giao; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương, ngân sách cấp tỉnh năm 2023, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU CHI

NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

A. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023

I. Dự toán Trung ương giao

1. Dự toán thu ngân sách địa phương

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn 3.246.000 triệu đồng, tăng 16,4% so dự toán trung ương giao năm 2022, (*nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất đất, xổ số kiến thiết tăng 11,1% so dự toán năm 2022*), trong đó: Thu sản xuất kinh doanh trong nước (*thu nội địa*) 2.953.000 triệu đồng; thu hoạt động xuất nhập khẩu 293.000 triệu đồng. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn địa phương được hưởng (*thu cố định, điều tiết*) là 2.760.300 triệu đồng.

- Dự toán thu ngân sách Trung ương bổ sung cân đối ngân sách địa phương là 3.646.673 triệu đồng.

- Dự toán bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương 3.148.724 triệu đồng.

- Dự toán thu ngân sách địa phương 9.555.697 triệu đồng, trong đó thu cân đối ngân sách địa phương 6.406.973 triệu đồng.

2. Dự toán chi ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi) 9.632.897 triệu đồng, gồm:

2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi) 6.484.173 triệu đồng, cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương 6.406.973 triệu đồng, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển 1.009.037 triệu đồng, bao gồm: Chi nguồn vốn trong nước 532.037 triệu đồng, tăng 5,1% so dự toán 2022; chi nguồn thu tiền sử dụng đất 400.000 triệu đồng tăng 70,2% so với dự toán năm 2022; chi nguồn thu xổ số kiến thiết 77.000 triệu đồng, tăng 28,3% so với dự toán năm 2022.

- Chi thường xuyên 5.268.797 triệu đồng, tăng 6% so dự toán năm 2022 (*loại trừ chính sách an sinh xã hội trung ương bổ sung do tăng theo chế độ, chi thường xuyên còn lại chỉ tăng 3% so năm 2022*), trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 2.409.053 triệu đồng, tăng 6,1% so dự toán năm 2022; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 16.929 triệu đồng, tăng 3,3% so dự toán năm 2022; các lĩnh vực chi thường xuyên còn lại 2.842.815 triệu đồng, tăng 6% so dự toán 2022.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách 128.139 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2% trên tổng chi cân đối ngân sách.

b) Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 77.200 triệu đồng.

2.2. Chi bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách Trung ương 3.148.724 triệu đồng.

II. Dự toán địa phương giao

1. Dự toán thu ngân sách địa phương

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn địa phương giao 4.200.000 triệu đồng, tăng 29,4% so dự toán trung ương giao năm 2023; tăng 5% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2022, (*nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất đất, xổ số kiến thiết⁽¹⁾ tăng 11,1% so dự toán năm 2022*); trong đó: thu nội địa 3.907.000 triệu

⁽¹⁾ Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất đất, xổ số kiến thiết, dự toán năm 2022 còn lại 2.492 tỷ đồng, dự toán năm 2023 còn lại 2.770 tỷ đồng tăng 11,1% so dự toán năm 2022.

đồng, tăng so với dự toán Trung ương giao 32,3% (*tương ứng giao tăng thu 954.000 triệu đồng*⁽²⁾); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 293.000 triệu đồng (*bằng trung ương giao*).

- Dự toán thu ngân sách địa phương 10.509.697 triệu đồng, trong đó thu cân đối ngân sách địa phương 7.360.973 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết thu NSNN tại biểu số 01/TT, thu NSNN trên địa bàn huyện, thành phố tại biểu số 02/TT)

2. Dự toán chi ngân sách địa phương giao (bao gồm cả bội chi) 10.586.897 triệu đồng, gồm:

2.1. Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi) 7.438.173 triệu đồng.

a) Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương 7.360.973 triệu đồng, tăng chi 954.000 triệu đồng³ so dự toán Trung ương giao, trong đó bố trí:

- Chi đầu tư phát triển 1.009.037 triệu đồng, bao gồm: Chi nguồn vốn trong nước 532.037 triệu đồng, tăng 5,1% so dự toán 2022; chi nguồn thu tiền sử dụng đất 400.000 triệu đồng tăng 70,2% so dự toán năm 2022; chi nguồn thu xổ số kiến thiết 77.000 triệu đồng, tăng 28,3% so dự toán năm 2022.

- Chi đầu tư các dự án, nhiệm vụ từ nguồn thu các dự án khai thác quỹ đất (*giao tăng thu so với dự toán trung ương giao*) 933.806 triệu đồng⁽⁴⁾, triển khai thực hiện theo tiến độ nguồn thu thực tế.

- Chi thường xuyên 5.267.711 triệu đồng, tăng 6,2% so dự toán năm 2022; trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 2.409.053 triệu đồng (*bằng dự toán trung ương giao*) và tăng 6,1% so dự toán năm 2022; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 16.929 triệu đồng (*bằng trung ương giao*) và tăng 3,3% so dự toán năm 2022; các lĩnh vực chi thường xuyên còn lại 2.841.729 triệu đồng, tăng 6,3% so dự toán năm 2022.

Chi thường xuyên năm 2023 sau khi loại trừ các chính sách an sinh xã hội tăng thêm theo chế độ do trung ương quy định 154.717 triệu đồng, dự toán chi còn lại chỉ tăng 3% so dự toán năm 2022; trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tăng 1,8%, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ tăng 3,3% và

⁽²⁾ Trong đó, ngoài dự toán Trung ương giao, trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, để có nguồn đầu tư cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, phát triển KT-XH, địa phương phân đầu tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất và ghi thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng các dự án nhà đầu tư tự nguyện ứng trước so với dự toán trung ương giao 952.863 triệu đồng (*phân bổ chi đầu tư các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế*). Giao thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (trung ương không giao dự toán) 1.137 triệu đồng (tổng thu 2.566 triệu đồng trừ chi phí được để lại 1.429 triệu đồng, chênh lệch nộp NSNN theo quy định 1.137 triệu đồng).

⁽³⁾ Tương ứng với nguồn giao tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất và ghi thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng các dự án nhà đầu tư tự nguyện ứng trước 952.863 triệu đồng và giao thu tiền cho thuê, tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (trung ương không giao dự toán) 1.137 triệu đồng.

⁽⁴⁾ Bao gồm: 70% tăng thu từ nguồn thu tiền thuê đất, bán tài sản trên đất tạo nguồn CCTL theo quy định 65.254 triệu đồng; Trích 10% thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ 91.473 triệu đồng; Trích 2% Quỹ phát triển đất tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất giao tăng thu 16.593 triệu đồng; chi đầu tư các dự án 760.486 triệu đồng. Trích 2% dự phòng 19.057 triệu đồng theo qui định và bố trí riêng tại mục 5 (dự phòng ngân sách)

các lĩnh vực chi thường xuyên còn lại tăng 4,2% so dự toán năm 2022. Như vậy chi thường xuyên năm 2023 vẫn còn khó khăn, phải thực hiện giảm chi, cơ cấu, sắp xếp lại nhiệm vụ chi thường xuyên, hoạt động chuyên môn cho phù hợp với khả năng ngân sách và tình hình thực tế của địa phương.

- Chi trả nợ lãi vay 2.200 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.
- Dự phòng 147.219 triệu đồng⁽⁵⁾

b. Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 77.200 triệu đồng.

2.2. Chi bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách Trung ương 3.148.724 triệu đồng

(Số liệu chi tiết dự toán chi ngân sách địa phương tại Biểu số 03/TT)

B. Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương

I. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách địa phương

1. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách cấp huyện

Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022; trong đó tại khoản 2 Điều 2 quy định: *“Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo các phụ lục số V và VI kèm theo Nghị quyết này. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và số bổ sung cân đối của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương áp dụng riêng cho năm 2022. Căn cứ tình hình thực tế, năm 2023, Quốc hội sẽ quy định lại cho phù hợp”*.

Căn cứ các quy định, hướng dẫn của trung ương nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh: tiếp tục thực hiện tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương quy định tại Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022 - 2025; trên cơ sở mặt bằng dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2022 theo định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và có bổ sung thực hiện một số chính sách, chế độ mới (chính sách giáo dục theo

⁽⁵⁾ Trong đó: 2% bổ sung dự phòng từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất (bao gồm tiền sử dụng đất và tiền cho thuê đất), và thu từ tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước so với trung ương giao là 19.080 triệu đồng, để đảm bảo tổng số dự phòng NSĐP bằng 2% theo quy định của Luật NSNN, việc trích lập theo tiền độ nguồn thu thực tế.

Nghị định 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Chính sách đảm bảo xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, chính sách bảo hiểm y tế theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP...); tính tăng trưởng thêm chi thường xuyên so dự toán năm 2022 để tăng chi cho sự nghiệp môi trường, chuyển đổi số, qui hoạch chi tiết..., cụ thể: Đối với nhóm huyện khó khăn (huyện: Tu Mơ Rông, KonPLong, Ia'HDrai và Đăk Glei) tăng 3% so dự toán chi thường xuyên năm 2022; nhóm các huyện, thành phố còn lại tăng 2% so dự toán chi thường xuyên năm 2022. Trên cơ sở đó, rà soát, tính lại dự toán số bổ sung trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện năm 2023 theo nguyên tắc, quy định của Trung ương tính toán, bổ sung cho Tỉnh Kon Tum. Kết quả như sau:

1.1. Dự toán thu cân đối ngân sách huyện, thành phố 3.958.629 triệu đồng, bao gồm:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ngân sách huyện, thành phố được hưởng theo phân cấp 1.512.460 triệu đồng.

b) Bổ sung cân đối ngân sách huyện 2.446.169 triệu đồng

1.2. Dự toán chi cân đối ngân sách huyện, thành phố 3.958.629 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển 433.791 triệu đồng, trong đó: Chi xây dựng cơ bản nguồn vốn trong nước 81.791 triệu đồng, bằng dự toán năm 2022; chi nguồn thu tiền sử dụng đất 352.000 triệu đồng, tăng 70,2% so dự toán năm 2022.

- Chi thường xuyên 3.396.719 triệu đồng, trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề 1.983.629 triệu đồng, tăng 6,4% so dự toán năm 2022⁽⁶⁾; chi sự nghiệp khoa học công nghệ 2.000 triệu đồng tăng 33,3% so dự toán năm 2022; chi thường xuyên các lĩnh vực khác còn lại 1.411.090 triệu đồng, tăng 5,6% so dự toán năm 2022⁷.

- Dự phòng 79.173 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2% trên tổng chi cân đối ngân sách huyện năm 2023.

- Chi đầu tư cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc mới theo đề án, phương án được cấp tỉnh phê duyệt từ nguồn giao tăng thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán trung ương giao, điều tiết cho ngân sách cấp huyện và phân bổ theo tiến độ nguồn thu thực tế phát sinh nộp vào ngân sách nhà nước: 48.946 triệu đồng

*(Chi tiết dự toán thu chi cân đối ngân sách huyện,
thành phố tại Biểu số 04/TT)*

⁽⁶⁾ Sau khi loại trừ các chính sách an sinh xã hội tăng thêm theo chế độ do trung ương qui định, dự toán chi còn lại chỉ tăng 1,8% so dự toán năm 2022

⁷ Sau khi loại trừ các chính sách an sinh xã hội tăng thêm theo chế độ do trung ương qui định, dự toán chi còn lại chỉ tăng 3% so dự toán năm 2022

2. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách tỉnh

Dự toán thu cân đối ngân sách địa phương 7.360.973 triệu đồng, sau khi trừ phần thu cân đối ngân sách huyện thành phố 3.958.629 triệu đồng nêu trên, dự toán thu cân đối ngân sách tỉnh còn lại 3.402.344 triệu đồng. Dự kiến phân bổ cho các nhiệm vụ chi như sau:

2.1. Bổ sung mục tiêu ngân sách huyện, thành phố thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể 247.902 triệu đồng, bao gồm:

a) Bổ sung nhiệm vụ đầu tư phát triển 206.185 triệu đồng, cụ thể: Đầu tư XD CB nguồn vốn trong nước 177.890 triệu đồng; chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 8.295 triệu đồng; chi sự nghiệp quản lý đất đai từ nguồn 10% tiền sử dụng đất 20.000 triệu đồng.

b) Bổ sung nhiệm vụ cụ thể vốn sự nghiệp 41.717 triệu đồng, bao gồm: Hỗ trợ diễn tập quân sự (huyện: Đăk Tô, Đăk Glei, Ia'HDrai, Kon Rẫy và Kon PLong) 7.200 triệu đồng; Đề án công chiêng 1.326 triệu đồng; hỗ trợ lập các qui hoạch chung đô thị, qui hoạch phân khu theo chủ trương của tỉnh 3.500 triệu đồng; đề án phát triển và chế biến dược liệu 1.000 triệu đồng; kinh phí công tác xã hội cho đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy 100 triệu đồng; Kinh phí thực hiện hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh đội trưởng, đội phó dân phòng 10.714 triệu đồng; xây dựng nhà bia di tích tại điểm cao 875 huyện Ngọc Hồi 1.160 triệu đồng; hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm 110 năm thành lập tỉnh 3.179 triệu đồng; Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh 6.189 triệu đồng; Hỗ trợ xây dựng thôn nông thôn mới điểm cấp tỉnh tại thôn Làng Mới, xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum (vốn sự nghiệp): 349 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo ăn Tết Quý Mão năm 2023: 7.000 triệu đồng.

Trong điều kiện nguồn lực của ngân sách cấp tỉnh hạn chế nên về cơ bản chỉ xử lý hỗ trợ các nhiệm vụ cấp thiết theo quy định, nhu cầu còn lại các huyện, thành phố chủ động cơ cấu, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi thường xuyên trên tinh thần tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả; mặt khác phải tăng cường các biện pháp tăng thu, huy động các nguồn xã hội hóa để có nguồn xử lý các nhiệm vụ chưa bố trí được dự toán đầu năm.

*(Số liệu chi tiết bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể
ngân sách huyện thành phố tại Biểu số 05/TT kèm theo)*

2.2 Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh (chưa bao gồm bội chi ngân sách địa phương 77.200 triệu đồng): Sau khi loại trừ phần bổ sung mục tiêu ngân sách huyện nêu trên và bội chi ngân sách địa phương, còn lại 3.154.442 triệu đồng, bố trí cho các lĩnh vực chi như sau:

a) Chi đầu tư phát triển 369.061 triệu đồng, bao gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước 272.356 triệu đồng tăng 9,7% so dự toán 2022; chi từ nguồn thu sử dụng đất 28.000 triệu đồng (trong đó: bổ sung quỹ phát triển đất

8.000 triệu đồng, chi sự nghiệp quản lý đất đai từ nguồn 10% tiền sử dụng đất 20.000 triệu đồng⁽⁸⁾); chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 68.705 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên:

Định mức phân bổ chi thường xuyên thực hiện Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó: Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; quy định về cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã cân đối, sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Ngân sách nhà nước bố trí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công để đặt hàng; hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã cân đối, sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi (sau khi trừ chi phí) để thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại theo chế độ của đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương theo qui định.

Chi từ nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng (đối với phương tiện ra, vào các cửa khẩu) trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tập trung thực hiện nhiệm vụ duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu theo quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Chi thường xuyên 1.829.275 triệu đồng, tăng 5% dự toán năm 2022; trong đó tăng chi một số chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành 34.556 triệu đồng; chi thường xuyên còn lại chỉ tăng so dự toán năm 2022 là 3%; cụ thể như sau:

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề 425.424 triệu đồng, tăng 4,6% dự toán 2022⁹; trong đó tăng chi một số chính sách an sinh xã hội về giáo dục do trung ương ban hành 11.644 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục còn lại tăng so dự toán năm 2022 là 1,8%. Chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục đã cơ cấu, bố trí thực hiện một số đề án, chính sách Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và một số nhiệm vụ cấp thiết khác (như: *Kinh phí dạy phụ đạo học sinh DTTS theo Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS; kinh phí thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất chương trình giáo dục giáo dục phổ thông; đề án dạy ngoại*

⁽⁸⁾ Thực hiện chi theo số thu thực tế và phương án phân cấp được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

⁽⁹⁾ Trong đó: dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục đã tính đủ theo cơ cấu 80% quỹ lương, 20% chi khác theo định mức qui định của Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh.

ngữ; đề án bồi dưỡng giáo viên theo chương trình giáo dục phổ thông mới; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sửa chữa trường lớp phục vụ dạy và học).

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 14.929 triệu đồng, tương đương dự toán 2022, bố trí bằng dự toán trung ương giao (trừ nhiệm vụ chi ứng dụng khoa học công nghệ đã bổ sung về ngân sách huyện chi 2.000 triệu đồng).

- Chi sự nghiệp môi trường 12.646 triệu đồng, tăng 38% so năm 2022, bố trí cho các nhiệm vụ: Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 đến 1:25.000 đối với nguồn nước nội tỉnh ở những vùng, khu vực dưới đất có tiềm năng lớn là đối tượng khai thác chủ yếu để cấp nước cho sinh hoạt, các nhu cầu phát triển KTXH tỉnh: 4.000 triệu đồng; Điều tra, đánh giá, tính toán và công bố dòng chảy tối thiểu ở các sông, suối nội tỉnh theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ TN&MT: 3.031 triệu đồng; Dự án điều tra, xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tỉnh Kon Tum: 2.236 triệu đồng; Mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030: 1.364 triệu đồng,...

- Các lĩnh vực chi thường xuyên khác 1.376.276 triệu đồng, cụ thể:

+ Chi sự nghiệp kinh tế 217.542 triệu đồng, tăng 11% so dự toán năm 2022, trong đó tập trung bố trí một số nhiệm vụ trọng tâm: Kinh phí tiêm vắc xin phòng dịch lở mồm long móng các huyện, thành phố thuộc Chương trình quốc gia hành năm; phòng bệnh gia súc, gia cầm; Kinh phí tiêm vắc xin Viêm da nổi cục trâu, bò 8.127 triệu đồng⁽¹⁰⁾; kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên cạn, phòng chống dịch bệnh Thủy sản và bệnh dại năm 2023: 3.000 triệu đồng; Chi hoạt động QLVR và PCCC rừng trên địa bàn toàn tỉnh 3.589 triệu đồng; Kinh phí rà soát hiện trạng rừng và điều chỉnh phân bổ chỉ tiêu ba loại rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum: 4.000 triệu đồng; Các đề án Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt⁽¹¹⁾ 1.800 triệu đồng; Kinh phí quản lý vận hành, nạo vét kênh mương, sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi, quản lý an toàn đập và cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước các công trình thủy lợi 29.878 triệu đồng; sửa chữa thường xuyên tỉnh lộ 25.998 triệu đồng (553 km); sự nghiệp lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, đo đạc lập bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất đối với công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh 5.568 triệu đồng; Kinh phí hoạt động của hệ thống Trung tâm điều hành thông minh 4.840 triệu đồng; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông 4.500 triệu đồng⁽¹²⁾; thuê hệ thống bảo đảm an toàn thông tin SOC 1.517 triệu đồng; thuê trực kết nối chia sẻ dữ liệu LGSP 2.217 triệu đồng; thuê Kho cơ sở dữ liệu dùng chung 2.453 triệu đồng; Chi dịch vụ, công trình kết cấu hạ tầng (đối với phương tiện ra, vào các cửa khẩu) trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế

⁽¹⁰⁾Kinh phí mua vắc xin LMLM của huyện Kon Plong, Tu Mơ Rông bố trí từ Chương trình MTQG GN bền vững giai đoạn từ năm 2016-2020; năm 2021 Chương trình này đã kết thúc. Từ năm 2021 trở đi TƯ không bố trí kinh phí này, địa phương phải tự cân đối (theo VB số 8212/BTC-NSNN ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính)

⁽¹¹⁾ Xây dựng mô hình nông-lâm kết hợp theo phương thức sản xuất trồng cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao với các hoạt động sản xuất nông nghiệp; Trồng thử nghiệm, xác định danh mục các loại cây trồng rừng mới phù hợp trên địa bàn tỉnh phục vụ cho trồng rừng sản xuất

⁽¹²⁾ Kế hoạch số 4222/KH-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh Kon Tum

Bờ Y 12.000 triệu đồng¹³; kinh phí bố trí qua Quỹ hỗ trợ nông dân theo Nghị quyết số 59/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh⁽¹⁴⁾: 2.000 triệu đồng; kinh phí hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp 47.153 triệu đồng và các sự nghiệp kinh tế liên quan khác.

+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình 532.174 triệu đồng, tăng 5,4% dự toán 2022, trong đó: sự nghiệp y tế thường xuyên tăng 1,6% dự toán 2022 (chủ yếu do tăng Quỹ tiền lương của hệ phòng bệnh và bổ sung thực hiện một số nhiệm vụ cấp thiết ngành y tế 3.000 triệu đồng); kinh phí mua BHYT cho đối tượng thụ hưởng tăng 9% so dự toán năm 2022 do Trung ương tăng bổ sung trong cân đối các chính sách BHYT tăng theo chuẩn nghèo mới. Dự toán chi sự nghiệp y tế năm 2023 đã bao gồm: hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, tăng chi cho y tế dự phòng, tăng cường trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất y tế.

+ Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin 49.061 triệu đồng, tăng 4% so dự toán năm 2022, do tăng kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 110 năm thành lập tỉnh Kon Tum 09/2/1913-09/02/2023: 6.400 triệu đồng; Tham gia Ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch vùng Tây Nguyên: 1.993 triệu đồng;...

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao 14.290 triệu đồng, chỉ bằng 75,4% dự toán năm 2022 do hết nhiệm vụ chi trong năm 2023 một số nội dung¹⁵.

+ Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 18.381 triệu đồng, bố trí tương đương dự toán năm 2022.

+ Chi đảm bảo xã hội 65.997 triệu đồng, bằng 94,9% dự toán năm 2022 do chuyển bổ sung mục tiêu huyện kinh phí hỗ trợ hộ nghèo ăn tết Quý Mão vào dự toán từ đầu năm 2023: 7.000 triệu đồng; đồng thời đã tăng chính sách Hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ 6.027 triệu đồng; tăng bổ sung vốn ủy thác cho vay hộ nghèo qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh 2.000 triệu đồng⁽¹⁶⁾...

+ Chi quản lý hành chính 354.478 triệu đồng, tăng 5,9% so năm 2022 chủ yếu do tăng Quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; tăng chi mua sắm, sửa chữa lớn xe ô tô, nhà làm việc: 2.000 triệu đồng; dành nguồn để hỗ trợ chi trả thù lao đội ngũ tuyên truyền viên nòng cốt của cấp ủy cơ sở đảng: 2.722 triệu đồng theo chủ trương tại Công văn số 91-CV/TU ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tỉnh ủy; điều chỉnh

¹³ Trong đó: Dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đường bộ (Chăm sóc, duy trì cây xanh; Duy trì hệ thống thoát nước; Duy trì hệ thống điện công lộ; Bảo trì sửa chữa kết cấu hạ tầng GT đường bộ tại KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y): 4.136 Triệu đồng; Chi thực hiện các nhiệm vụ: Duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu theo chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 3888/UBND-KTTH ngày 15/11/2022 (Tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình, quy định): 7.864 Triệu đồng

⁽¹⁴⁾ quy định cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các CTMTQG trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025

¹⁵ như: Kinh phí tổ chức Đại hội TDTT tỉnh Kon Tum năm 2022 tiến tới đại hội Toàn quốc: 5.500 triệu đồng; Kinh phí Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác huấn luyện và thi đấu TDTT: 1.140 triệu đồng...

⁽¹⁶⁾ theo Nghị quyết số 59/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh

nguồn kinh phí chi hoạt động phạt vi phạm hành chính, thanh tra 3.246 triệu đồng; chi hỗ trợ đảm bảo hoạt động thu lệ phí 1.482 triệu đồng từ nguồn chi khác ngân sách tỉnh sang chi quản lý hành chính để đảm bảo đúng tính chất lĩnh vực.

+ Chi quốc phòng, an ninh 84.452 triệu đồng, tăng 6% so dự toán năm 2022, do tăng Kinh phí đảm bảo hoạt động các tiêu đội DQTT ở các xã trọng điểm về quốc phòng thành lập mới: 2.550 triệu đồng; Kinh phí mua sắm trang thiết bị Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao: 2.000 triệu đồng; tăng kinh phí phát quan đường tuần tra biên giới 1.500 triệu đồng...

+ Chi khác ngân sách 39.901 triệu đồng bố trí hoạt động đối ngoại với bạn Lào, Campuchia 2.000 triệu đồng; kinh phí tham gia các sự kiện thu hút đầu tư, tổ chức các ngày lễ lớn trong năm, tổ chức tuần lễ văn hóa; Quy hoạch; chuyển đổi số theo chủ trương cấp thẩm quyền; đối ứng các Chương trình, dự án, đề án; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nhân viên y tế thôn (phân bổ sau khi có Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh); kinh phí chi trả phụ cấp đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách tham gia đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum (phân bổ sau khi có Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh); kinh phí đoàn ra, đoàn vào theo chủ trương cấp thẩm quyền giao các Sở, ngành và nhiệm vụ khác...

c) Chi trả nợ lãi vay 2.200 triệu đồng.

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.

đ) Dự phòng 68.046 triệu đồng, chiếm 2% so với tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh 2021; trong đó: trích 2% bổ sung dự phòng từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán trung ương giao 19.057 triệu đồng⁽¹⁷⁾.

e) Chi từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán trung ương giao (phân bổ cho các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế) 884.860 triệu đồng⁽¹⁸⁾.

(Số liệu chi ngân sách tỉnh theo lĩnh vực, chi tiết chi ngân sách tỉnh theo đơn vị dự toán tại biểu số 06,07,08/TT kèm theo)

II. Dự toán chi nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu 3.148.724 triệu đồng bố trí theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ được Trung ương bổ sung. Trong đó:

1. Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 1.825.767 triệu đồng. Trong đó vốn ngoài nước 72.367 triệu đồng, vốn trong nước 1.753.400 triệu đồng.

⁽¹⁷⁾ Để đảm bảo dự phòng ngân sách tỉnh bằng 2% so với tổng dự toán chi ngân sách tỉnh theo quy định Luật NSNN.

⁽¹⁸⁾ Trong đó: bao gồm dự toán chi đền bù GPMB của các dự án đầu tư mà nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước từ nguồn thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất (thực hiện theo hình thức ghi thu ghi chi); tăng thu tạo nguồn CCTL; trích 10% kinh phí thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên; trích 2% Quỹ phát triển đất tỉnh theo quy định

2. Chi bổ sung có mục tiêu (*kinh phí sự nghiệp, các chế độ, chính sách*) 79.855 triệu đồng. Trong đó vốn trong nước 79.855 triệu đồng.

3. Chi chương trình mục tiêu quốc gia 1.243.102 triệu đồng, gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 138.330 triệu đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 283.570 triệu đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số và miền núi 821.202 triệu đồng;

Phân bổ chi tiết chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị khối tỉnh và bổ sung mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, thành phố thực hiện theo Nghị quyết riêng của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Vốn đối ứng ngân sách địa phương (*vốn sự nghiệp*) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023: 87.575 triệu đồng¹⁹, trong đó, vốn đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của các cơ quan, đơn vị khối tỉnh được lồng ghép, sắp xếp trong dự toán chi thường xuyên giao tại Biểu 07/TTtr (*lồng ghép với kinh phí thực hiện các Chương trình, Dự án, đề án, các nhiệm vụ chỉ có nội dung tương đồng với các nội dung chi của các Chương trình mục tiêu quốc gia*), ngân sách huyện, thành phố chủ động cân đối bố trí vốn đối ứng, lồng ghép thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định và theo phân cấp ngân sách hiện hành. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán ngân sách địa phương năm 2023, giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai cụ thể theo quy định.

(Số liệu chi tiết tại Biểu 09/TT, 09a/TT và các biểu theo quy định Nghị định 31/2017/NĐ-CP kèm theo)

III. Bội chi ngân sách địa phương và vay trong năm

1. Bội chi ngân sách địa phương 77.200 triệu đồng

2. Tổng số vay trong năm 77.200 triệu đồng (vay để bù đắp bội chi)

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục theo dõi, cập nhật số liệu giao dự toán năm 2023 chính thức từ Trung ương và hoàn thiện, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết chính thức theo quy định.

PHẦN THỨ HAI

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH THU, CHI NGÂN SÁCH 2023

I. Về thu ngân sách

¹⁹ trong đó, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 34.200 triệu đồng (*theo quy định tại Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND tỷ lệ vốn đối ứng NSDP: tối thiểu 1:1, KP CTMTQG xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp) năm 2023: 34.200 triệu đồng*); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 14.214 triệu đồng (*theo quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND tỷ lệ vốn đối ứng NSDP: tối thiểu 10%, KP CTMTQG giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp) năm 2023: 142.141 triệu đồng*); Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số và miền núi: 39.161 triệu đồng (*theo quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND tỷ lệ vốn đối ứng NSDP: tối thiểu 10%, KP CTMTQG phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp) năm 2023: 391.606 triệu đồng*)

1. Tổ chức thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất để tạo nguồn thu. Tăng cường quản lý, khai thác, huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công. Các cấp chính quyền, đơn vị liên quan triển khai tốt các biện pháp nhằm tập trung số thu kịp thời, đầy đủ, tăng cường chống thất thu, thu nợ đọng thuế, hạn chế nợ đọng thuế phát sinh, tích cực khai thác các nguồn thu mới, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu.

2. Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thuế với Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính các cấp trong việc báo cáo định kỳ, thường xuyên theo dõi các nguồn thu trên địa bàn, phân tích tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp thu. Phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

II. Về chi ngân sách

1. Đẩy nhanh tiến độ triển khai chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi cho phù hợp với khả năng cân đối của NSNN; động viên thêm nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ sự nghiệp công, xây dựng dự toán chi ngân sách đảm bảo chi tiết đối với từng nhiệm vụ trên cơ sở định mức, chính sách, chế độ quy định, chủ động sắp xếp để cân đối cho nhiệm vụ mới phát sinh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Nguồn vốn đầu tư phát triển tập trung, ưu tiên bố trí trả nợ xây dựng cơ bản và dự án có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng, khai thác trong năm 2023; bố trí vốn hoàn trả ứng trước ngân sách. Triển khai các dự án đầu tư phải đảm bảo đúng kế hoạch vốn được giao, cân đối đủ nguồn vốn, không làm phát sinh nợ xây dựng cơ bản. Bố trí đủ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện các dự án đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán chi thường xuyên, trong đó giáo dục đào tạo dạy nghề và khoa học công nghệ không được thấp hơn mức dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Phân bổ các lĩnh vực chi thường xuyên khác cho đơn vị dự toán trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp tình hình thực tế và điều kiện khả năng ngân sách, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, đề án theo phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách. Đối với các đơn vị dự toán cấp I và đơn vị sử dụng ngân sách khối tỉnh: Trên cơ sở định mức phân bổ chi thường xuyên và dự toán 2023 được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt; đơn vị dự toán cấp I phân bổ dự toán thu sự nghiệp, dự toán chi cho các đơn vị trực thuộc theo tiêu chuẩn, định mức quy định để làm căn cứ tổ chức thực hiện, bảo đảm khớp đúng tổng mức chi sự nghiệp theo lĩnh vực, phù hợp đặc điểm tình hình thực tế và nguồn thu của đơn vị trực thuộc. Xác định rõ từng nhiệm vụ sự nghiệp, định mức và dự toán kinh phí làm cơ sở giao tự chủ quy định hiện hành. Thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

4. Các địa phương, đơn vị chủ động sắp xếp nhiệm vụ (*kể cả nhiệm vụ phát sinh*) trong phạm vi dự toán được giao trên tinh thần triệt để tiết kiệm, không

phô trương hình thức, chống lãng phí, phù hợp với khả năng ngân sách được giao, kết hợp nguồn thu ngoài ngân sách, tăng cường huy động nguồn xã hội hoá. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chủ quản trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách tại các đơn vị trực thuộc.

5. Tổ chức sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm đầu mối, tinh gọn theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017; thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

6. Điều hành chi ngân sách nhà nước phải theo khả năng, tiến độ nguồn thu, giãn tiến độ các khoản chi chưa cấp thiết vào cuối năm. Ưu tiên thực hiện chi lương, các chính sách hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công khai để đảm bảo chi đúng, đầy đủ cho các đối tượng thụ hưởng. Rà soát, quản lý chặt chẽ để giảm mạnh số chi chuyển nguồn, chỉ thực hiện chuyển nguồn đối với một số khoản chi còn nhiệm vụ và thực sự cần thiết theo đúng quy định của Luật NSNN. Thực hiện tốt đề án tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Khắc phục triệt để những sai phạm liên quan kết luận kiểm toán ngân sách nhà nước qua các năm.

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư theo dõi, cập nhật số liệu dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao và hoàn thiện phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023 (nếu dự toán trung ương giao có thay đổi) tham mưu, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê chuẩn chính thức.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XII - kỳ họp thứ 4 xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.NTS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm